

TỔNG HỢP KẾT QUẢ
HỘI THI GIÁO VIÊN GIỎI CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN THI: NGỮ VĂN

TT	Họ và tên	Trường THCS	Điểm thi viết	Kết quả tiết dạy				Tổng điểm	XL chung	Xếp giải	Điểm bài dạy								Điểm thường	
				Tiết 1		Tiết 2					Tổng điểm tiết dạy	Tiết 1				Tiết 2				
				Điểm	XL	Điểm	XL					GK1	GK2	GK3	TB	GK1	GK2	GK3		TB
1	Phan Thị Thu Phương	Vũ Hữu	8,25	18,25	G	18,00	G	72,50	G	Nhất	18,00	18,25	18,50	18,25	18,00	17,75	18,25	18,00	18,00	3,00
2	Lê Thanh Thủy	Vĩnh Hồng	8,50	17,75	G	17,50	G	70,50	G	Nhì	17,75		17,75	17,75	17,25		17,75	17,50	2,00	2,00
3	Đặng Thị Phi	Hùng Thắng	9,00	17,33	G	17,42	G	69,50	G	Nhì	17,00	17,50	17,50	17,33	17,00	17,75	17,50	17,42	2,00	2,00
4	Vũ Thị Thu	Thái Dương	8,00	17,50	G	17,50	G	70,00	G	Ba	17,50	17,50		17,50	17,50			17,50	1,50	1,50
5	Vũ Thị Phương	Bình Minh	8,00	17,25	G	17,33	G	69,17	G	Ba	17,00	17,25	17,50	17,25	17,00	17,50	17,50	17,33	1,50	1,50
6	Lê Thị Hạnh	Thái Học	8,00	17,00	G	17,42	G	68,83	G	Ba	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,50	17,75	17,42	1,50	1,50
7	Vũ Thị Đào	Tân Hồng	8,25	17,00	G	17,08	G	68,17	G	KK	16,75	17,25	17,00	17,00	17,00	17,25	17,00	17,08	0,50	0,50
8	Mạc Thị Ngọc	Thúc Kháng	8,00	17,00	G	17,17	G	68,33	G	KK	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,50	17,17	0,50	0,50
9	Đoàn Thị Tươi	Tráng Liệt	8,75	16,50	Kh	17,17	G	67,33	G		16,50	16,50	16,50	16,50	17,00	17,00	17,50	17,17		
10	Vũ Thị Hương	Long Xuyên	8,25	17,17	G	16,67	Kh	67,67	G		17,00	17,00	17,50	17,17	16,50	17,00	16,50	16,67		
11	Vũ Thị Hoa	Nhân Quyền	8,00	17,00	G	16,83	Kh	67,67	G		16,50	17,50	17,00	17,00	17,00	16,50	17,00	16,83		
12	Nguyễn Hồng Hiếu	Kẻ Sặt	8,00	17,08	G	16,50	Kh	67,17	G		17,00	17,00	17,25	17,08	16,50	16,00	17,00	16,50		
13	Vũ Thị Nga	Hồng Khê	8,00	16,50	Kh	17,00	G	67,00	G		16,00	17,00	16,50	16,50	17,00	17,00	17,00	17,00		
14	Nguyễn Thị Năm Tươi	Bình Xuyên	8,00	16,50	Kh	17,00	G	67,00	G		16,50	16,50	16,50	16,50	17,00	17,00	17,00	17,00		
15	Đào Thị Tình	Tân Việt	8,25	17,00	G	16,33	Kh	66,67	G		17,00	17,00	17,00	17,00	16,50	16,50	16,00	16,33		
16	Nguyễn Thị Thoa	Vĩnh Tuy	8,00	17,08	G	16,33	Kh	66,83	G		17,00	17,25	17,00	17,08	16,00	17,00	16,00	16,33		
17	Trần Thị Khuyên	Cổ Bì	8,00	16,33	Kh	17,00	G	66,67	G		16,50	16,50	16,00	16,33	17,00	17,00	17,00	17,00		

Bình Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2018 

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Thái

TT	Họ và tên	Trường THCS	Điểm thi viết	Kết quả tiết dạy				Tổng điểm	XL chung	Xếp giải	Điểm bài dạy						Điểm thưởng		
				Tiết 1		Tiết 2					Tiết 1								
				Điểm	XL	Điểm	XL				TB	GK1	GK2	GK3	TB	GK1		GK2	GK3
1	Hà Thị Thanh Nhân	Vũ Hữu	10,00	18,25	G	18,25	G	83,00	G	Nhất	18,00	18,50		18,25	18,00	18,50		18,25	3,00
2	Vũ Thị Hương	Trảng Liệt	10,00	17,58	G	18,00	G	81,17	G	Nhì	17,50	17,75	17,50	17,58	18,00	18,00	18,00	18,00	2,00
3	Cù Thị Hải	Vũ Hữu	10,00	17,25	G	17,50	G	69,50	G	Nhì	17,50	17,00		17,25	17,50	17,50		17,50	2,00
4	Trần Thị Hương Nhung	Kẻ Sắt	10,00	17,50	G	17,00	G	69,00	G	Ba	17,75	17,75	17,00	17,50	17,00	17,00	17,00	17,00	1,50
5	Vũ Thị Dung	Tân Hồng	10,00	17,33	G	17,00	G	68,67	G	Ba	17,00	18,00	17,00	17,33	17,00	17,00	17,00	17,00	1,50
6	Nguyễn Văn Thắng	Bình Xuyên	9,00	17,17	G	17,00	G	68,33	G	Ba	17,00	17,50	17,00	17,17	17,00	17,00	17,00	17,00	1,50
7	Phạm Thị Hiền	Bình Minh	9,30	17,00	Kh	17,00	G	68,00	G	KK	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	0,50
8	Nguyễn Diệu Thái	Tân Việt	8,70	16,75	Kh	17,42	G	68,33	G		16,50	16,50	17,25	16,75	17,25	17,50	17,50	17,42	
9	Triệu Thị Vân	Thái Học	9,50	17,00	G	16,67	Kh	67,33	G		17,00	17,00	17,00	17,00	16,50	17,00	16,50	16,67	
10	Nguyễn Thị Lưu	Thái Hòa	9,50	16,67	Kh	17,00	G	67,33	G		16,50	17,00	16,50	16,67	17,00	17,00	17,00	17,00	
11	Nhữ Thị Thuận	Hưng Thịnh	9,90	16,42	Kh	17,00	G	66,83	G		16,00	17,00	16,25	16,42	17,00	17,00	17,00	17,00	
12	Lê Quang Hải	Hùng Thắng	9,90	16,00	Kh	17,00	G	66,00	G		16,00	16,00	16,00	16,00	17,00	17,00	17,00	17,00	
13	Trần Thị Phương	Vĩnh Tuy	8,80	17,00	G	16,50	Kh	67,00	G		17,00	17,00	17,00	17,00	16,50	16,50	16,50	16,50	
14	Vũ Thị Vĩ	Thúc Kháng	8,80	16,50	Kh	17,00	G	67,00	G		16,50	16,50	16,50	16,50	17,00	17,00	17,00	17,00	
15	Nguyễn Thị Vân Anh	Nhân Quyền	8,10	16,50	Kh	17,00	G	67,00	G		16,25	17,00	16,25	16,50	17,00	17,00	17,00	17,00	
16	Vũ Thị Thoa	Hồng Khê	8,00	16,50	Kh	17,00	G	67,00	G		16,50	16,50	16,50	16,50	17,00	17,00	17,00	17,00	
17	Lê Thanh Huế	Long Xuyên	8,00	17,00	G	16,17	Kh	66,33	G		17,00	17,00	17,00	17,00	16,00	16,00	16,50	16,17	

Bình Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Thái

TT	Họ và tên	Trường THCS	Điểm thi viết	Kết quả tiết dạy				Tổng điểm	XL chung	Xếp giải	Điểm bài dạy								Điểm thường
				Tiết 1		Tiết 2					Tiết 1				Tiết 2				
				Điểm	XL	Điểm	XL				GK1	GK2	GK3	TB	GK1	GK2	GK3	TB	
1	Đỗ Thị Thảo	Vĩnh Hồng	9,75	18,58	G	18,42	G	74,00	G	Nhất	19,00	18,25	18,50	18,58	19,00	17,75	18,50	18,42	3,00
2	Vũ Thị Thêu	Tráng Liệt	9,75	18,50	G	18,33	G	73,67	G	Nhì	18,50	18,00	19,00	18,50	18,50	18,00	18,50	18,33	2,00
3	Nguyễn Đức Truyền	Thái Dương	9,00	18,42	G	18,17	G	73,17	G	Nhì	19,00	17,75	18,50	18,42	19,00	18,00	17,50	18,17	2,00
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	Cổ Bì	9,75	18,00	G	17,92	G	71,83	G	Ba	18,50	18,00	17,50	18,00	18,00	17,75	18,00	17,92	1,50
5	Vũ Thị Thơ	Long Xuyên	10,00	17,67	G	17,83	G	71,00	G	Ba	18,00	17,75	17,25	17,67	18,00	17,75	17,75	17,83	1,50
6	Vũ Thị Huệ	Thúc Kháng	9,75	17,75	G	17,83	G	71,17	G	Ba	18,00	18,00	17,25	17,75	18,00	18,00	17,50	17,83	1,50
7	Bùi Thị Loan	Nhân Quyền	9,75	17,92	G	17,58	G	71,00	G	KK	18,50	17,75	17,50	17,92	17,50	17,75	17,50	17,58	0,50
8	Trần Thị Minh Nguyệt	Bình Xuyên	9,25	17,92	G	17,67	G	71,17	G	KK	18,00	18,25	17,50	17,92	17,50	18,25	17,25	17,67	0,50
9	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Kẻ Sắt	9,25	17,83	G	17,67	G	71,00	G	KK	18,00	17,75	17,75	17,83	17,50	17,75	17,75	17,67	0,50
10	Vũ Trọng Giang	Bình Minh	9,50	17,75	G	17,42	G	70,33	G	KK	18,00	17,75	17,50	17,75	17,00	18,00	17,25	17,42	0,50
11	Nhữ Văn Thành	Tân Hồng	9,25	17,63	G	17,63	G	70,50	G	KK	18,00		17,25	17,63	18,00		17,25	17,63	0,50
12	Nguyễn Hồng Liên	Thái Hòa	9,00	17,42	G	17,75	G	70,33	G	KK	17,50	17,75	17,00	17,42	18,00	17,75	17,50	17,75	0,50
13	Vũ Công Huyện	Tân Việt	9,50	17,42	G	17,42	G	69,67	G	KK	18,00	17,25	17,00	17,42	18,00	17,25	17,00	17,42	0,50
14	Phạm Thị Hà	Vĩnh Tuy	8,75	17,50	G	17,58	G	70,17	G	KK	17,50	17,75	17,25	17,50	17,50	18,00	17,25	17,58	0,50
15	Phạm Đăng Mạnh	Thái Học	9,00	17,25	G	17,33	G	69,17	G	KK	17,50	17,50	16,75	17,25	17,00	17,50	17,50	17,33	0,50
16	Nguyễn Thị Anh	Hưng Thịnh	3,25	0,00		0,00		0,00						0,00				0,00	

Bình Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2018 *24/3*

TRƯỞNG PHÒNG

(Signature)

Trần Minh Thái

TỔNG HỢP KẾT QUẢ
HỘI THI GIÁO VIÊN GIỎI CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN THI: ÂM NHẠC

TT	Họ và tên	Trường THCS	Điểm thi viết	Kết quả tiết dạy				Tổng điểm	XL chung	Xếp giải	Điểm bài dạy								Điểm thường	
				Tiết 1		Tiết 2					Tiết 1				Tiết 2					
				Điểm	XL	Điểm	XL				GK1	GK2	GK3	TB	GK1	GK2	GK3	TB		
1	Phạm Thị Yến Nga	Cổ Bì	9,75	18,42	G	18,75	G	74,33	G	Nhất	18,50	18,50	18,25	18,42	18,75	18,75	18,75	18,75	18,75	3,00
2	Vũ Thị Hòa	Thái Dương	10,00	18,25	G	18,25	G	73,00	G	Nhì	18,50	18,25	18,00	18,25	18,50	18,25	18,00	18,25	18,25	2,00
3	Vũ Đình Hào	Tân Hồng	10,00	18,08	G	18,33	G	72,83	G	Nhì	18,00	18,00	18,25	18,08	18,25	18,50	18,25	18,33	18,33	2,00
4	Phạm Thị Xuyên	Trảng Liệt	9,50	18,08	G	18,50	G	73,17	G	Ba	18,00	18,25	18,00	18,08	18,75	18,25	18,50	18,50	18,50	1,50
5	Trần Thị Hậu	Bình Xuyên	10,00	18,17	G	17,92	G	72,17	G	Ba	18,25	18,00	18,25	18,17	17,75	17,50	18,50	17,92	17,92	1,50
6	Phạm Thị Lành	Hùng Thắng	9,50	17,75	G	18,08	G	71,67	G	Ba	18,25	17,50	17,50	17,75	18,50	18,25	17,50	18,08	18,08	1,50
7	Trần Thùy Liên	Thái Học	9,50	17,75	G	17,58	G	70,67	G	KK	17,25	18,00	18,00	17,75	17,00	18,00	17,75	17,58	17,58	0,50
8	Nguyễn Thị Lan	Thái Hòa	9,25	17,67	G	17,58	G	70,50	G	KK	17,50	18,00	17,50	17,67	17,50	17,75	17,50	17,58	17,58	0,50
9	Phạm Thị Thoa	Thúc Kháng	9,25	17,58	G	17,67	G	70,50	G	KK	17,25	18,00	17,50	17,58	17,25	18,25	17,50	17,67	17,67	0,50
10	Phạm Thị Nguyệt	Vĩnh Tuy	9,25	17,58	G	17,50	G	70,17	G	KK	17,00	18,00	17,75	17,58	17,00	17,75	17,75	17,50	17,50	0,50
11	Lê Thị Phương Máy	Nhân Quyền	8,75	17,83	G	17,50	G	70,67	G	KK	17,75	18,25	17,50	17,83	17,50	17,50	17,50	17,50	17,50	0,50
12	Phan Thị Hồng Đóa	Hồng Khê	9,00	17,00	G	17,00	G	68,00	G	KK	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	0,50

Bình Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Thái

XẾP THỨ TỰ CÁC TRƯỜNG THCS THAM GIA HỘI THI GIÁO VIÊN GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019

TT	Trường THCS	Tổng điểm môn Toán	Tổng điểm môn Ngữ văn	Tổng điểm môn T.Anh	Tổng điểm môn Sinh	Tổng điểm môn Nhạc	Tổng điểm thường	Tổng điểm	Điểm TB thi GVG	Xếp TT	Xếp giải
1	Vũ Hữu	82,50	80,75	162,50			11,00	336,75	84,19	1	Nhất
2	Vĩnh Hồng	78,83	79,00		83,75		6,50	248,08	82,69	2	Nhì
3	Thái Dương	78,92	78,00		82,17	83,00	7,00	329,09	82,27	3	Nhì
4	Cô Bi	79,83	74,67		81,58	84,08	6,50	326,66	81,67	4	Nhì
5	Trảng Liệt	78,33	76,08	81,17	83,42	82,67	6,00	407,67	81,53	5	Ba
6	Hùng Thắng	79,83	78,50	75,90		81,17	5,50	320,90	80,23	6	Ba
7	Tân Hồng	78,00	76,42	78,67	79,75	82,83	5,00	400,67	80,13	7	Ba
8	Bình Xuyên	77,75	75,00	77,33	80,42	82,17	4,00	396,67	79,33	8	Ba
9	Thúc Kháng	79,08	76,33	75,80	80,92	79,75	4,00	395,88	79,18	9	Ba
10	Kê Sắt	78,50	75,17	79,00	80,25		2,50	315,42	78,86	10	
11	Thái Hoà	78,00		76,83	79,33	79,75	1,50	315,41	78,85	11	
12	Bình Minh	77,50	77,17	77,73	79,83		3,00	315,23	78,81	12	
13	Thái Học	77,50	76,83	76,83	78,17	80,17	3,00	392,50	78,50	13	
14	Nhân Quyền	76,17	75,67	75,10	80,75	79,42	1,50	388,61	77,72	14	
15	Vĩnh Tuy	77,83	74,83	75,80	78,92	79,42	1,50	388,30	77,66	15	
16	Long Xuyên	76,17	75,92	74,33	81,00		2,00	309,42	77,36	16	
17	Tân Việt		74,92	77,03	79,17		0,50	231,62	77,21	17	
18	Hồng Khê	75,00	75,00	75,00		77,00	0,50	302,50	75,63	18	
19	Hưng Thịnh	0,00	0,00	76,73	3,25		0,50	80,48	20,12	19	

Bình Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2018 *lđđ*

TRƯỞNG PHÒNG

lđđ

Trần Minh Thái